

Bản án số: 95/2024/DS-ST

Ngày: 19/7/2024

V/v “tr/c hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đông; Bà Trần Thị Sầm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 316A/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 335A/2024/QĐST-DS ngày 12/7/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Nguyễn Thị C, sinh 1965; Trú tại: Ấp Phú Lợi H, xã An Đ, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (có mặt).

*** Bị đơn:** Bùi Thị N, sinh năm 1979; Trú tại: Ấp Phú Lợi H, xã An Đ, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (có mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Nguyễn Kim P, sinh năm 1972; Trú tại: Ấp Phú Lợi H, xã An Đ, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà C trình bày:

Trước đây vào ngày 05/10/2019 bà N có vay tôi số tiền 40.000.000 đồng, các bên có lập hợp đồng vay tiền, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất 5%/tháng; Tiếp tục ngày 03/11/2019 bà N có vay tôi số tiền 40.000.000 đồng, các bên có lập hợp đồng vay tiền, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất 5%/tháng; Lần 3 vào ngày 08/11/2019 bà N có vay tôi số tiền 10.000.000 đồng, các bên có lập hợp đồng vay tiền, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất 5%/tháng. Bà N chỉ đóng lãi được 01 lần sau đó không đóng lãi, trả vốn, tôi đã đòi nhiều lần nhưng bà N không trả.

Ngoài ra bà N có tổ chức chơi hụi tôi tham gia 04 dây hụi gồm:

+ Dây thứ nhất hụi 500.000 đồng khui ngày 15/8/2018 có 30 phần hụi, tôi tham gia 01 phần hụi đã đóng được 27 tháng hụi sống với số tiền 13.500.000 đồng.

+ Dây thứ 2 hụi 500.000 đồng khui ngày 08/02/2019 có 33 phần hụi, tôi tham gia 02 phần hụi đã đóng được 21 tháng hụi sống với số tiền 21.000.000 đồng.

+ Dây thứ 3 hụi 500.000 đồng khui ngày 08/2/2019 có 33 phần hụi, tôi tham gia 01 phần hụi đã đóng được 21 tháng hụi sống với số tiền 10.500.000 đồng.

+ Dây thứ 4 hụi 500.000 đồng khui ngày 12/6/2019 có 31 phần hụi, tôi tham gia 02 phần hụi đã đóng được 17 tháng hụi sống với số tiền 17.000.000 đồng.

Đến tháng 10/2020 bà N tuyên bố vỡ hụi chỉ trả cho tôi tổng cộng 8.000.000 đồng tiền hụi, còn lại 54.000.000 đồng không trả.

Nay yêu cầu bà N ông P liên đới trả tôi số tiền vay 90.000.000 đồng và tiền hụi 54.000.000 đồng tổng cộng 144.000.000 đồng, tôi không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà N trình bày: Thừa nhận có vay tiền và tổ chức chơi hụi như bà C trình bày và còn nợ bà C 144.000.000 đồng, việc vay tiền, chơi hụi nhằm mục đích lo kinh tế gia đình, chồng tôi ông P biết. Nay đồng ý cùng chồng trả cho bà C nhưng xin trả dần mỗi tháng 600.000 đồng đến khi tất nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Toà án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về quyền khởi kiện: Nguyên đơn cho rằng quyền lợi của nguyên đơn bị xâm phạm bởi hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn với vợ chồng bà N, nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn bà C có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản và hợp đồng góp hụi. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P đã được triệu tập xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông P.

*** Về nội dung giải quyết vụ án:**

[1] Giao dịch vay tài sản và góp hụi giữa các bên được hai bên thừa nhận có thật và phía bà N cũng thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ và còn nợ bà C số tiền 144.000.000 đồng. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh, việc bà N xin trả dần không được bà C đồng ý, nên buộc bà N trả toàn bộ số tiền trên cho bà C là phù hợp. Ghi nhận bà C không yêu cầu trả lãi.

[2] Đối với trách nhiệm liên đới của ông P: Bà N cho rằng việc bà vay tiền, chơi hụi nhằm mục đích phát triển kinh tế chung gia đình, chồng bà ông P biết, ông P quá trình giải quyết cũng không có bất cứ văn bản nào gửi Tòa án để phản bác lại yêu cầu của bà C, nên ông P phải có trách nhiệm cùng bà N trong việc trả số tiền trên cho bà C là phù hợp.

[2] Do bà N, ông P vi phạm nghĩa vụ, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 463, 466, 471, 468 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 26, nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị C. Buộc bà Bùi Thị N, ông Nguyễn Kim P liên đới trả cho bà C số tiền nợ gốc 144.000.000 (một trăm bốn mươi bốn triệu) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà C, nếu bà N, ông P chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N, ông P chịu 7.200.000 đồng. Hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.800.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005334 ngày 17/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, ông P vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký